

Bản án số: 398/2026/HNGĐ-ST;
Ngày: 25/8/2026.

Về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành;

2. Ông Nguyễn Văn Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **453/2026/TLST-HNGĐ** ngày **13 tháng 5 năm 2026** về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1995.

CCCD số: 082195007753;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh **Lưu Hoàng T1**, sinh năm 1993.

CCCD số: 082093003849;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn chị **Trần Thị Kim T** trình bày:

Qua tìm hiểu, chị T và anh Lưu Hoàng T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới từ năm 2022, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 23/4/2024. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình bất hòa, anh T1 không tôn trọng chị và gia đình chị, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hiện chị T và con đã về nhà cha mẹ ruột chị T, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Hoàng T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Hoàng P, sinh ngày 27/4/2024. Hiện cháu P đang sống chung với chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lưu Hoàng T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: **Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lưu Hoàng P, sinh ngày 27/4/2024, anh T1 vắng mặt không có ý kiến, nên đề nghị giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.**

Về tài sản chung; nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1, yêu cầu nuôi con chung, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã Đ, tỉnh Đồng Tháp; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Lưu Hoàng T1 vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị T và anh T1 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2024 ngày 23/4/2024, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với lý do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình bất hòa, anh T1 không tôn trọng chị và gia đình chị T, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị T và con đã về nhà cha mẹ ruột chị T, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh T1 nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T1 không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Hoàng P, sinh ngày 27/4/2024, hiện con chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Xét anh T1 không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con chung của chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu P cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị T, nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim T. Cụ thể:

1. Cho chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Lưu Hoàng T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Hoàng P, sinh ngày 27/4/2024 cho chị Trần Thị Kim T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lưu Hoàng T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0007033 ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp; xem như chị T đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm